

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-PT  
Ngày 06/5/2026  
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Lê Huy

Ông Võ Ngọc Giàu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 107/2025/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 891/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Cai Thị Cẩm T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T:* Luật sư Nguyễn Thị Thu S – Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh Đ.

**\* Bị đơn:** Anh **Nguyễn Công B**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông **Cai Văn N**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T, Luật sư S, anh B, ông N có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị Cai Thị Cẩm T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Công B tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 31/10/2016. Hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2024, lý do mâu thuẫn do anh B thường xuyên ăn nhậu, bỏ bê không lo cho con cái và ghen tuông vô cớ. Ngoài ra còn mâu thuẫn trong việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2025 đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: có 02 con chung.

+ Cháu Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 11/3/2017.

+ Cháu Nguyễn Huỳnh N2, sinh ngày 11/03/2017.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1 và cháu N2, không yêu cầu anh Bằng cấp D nuôi con chung. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Tiên đồng Ý giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con, nếu anh B yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Công B trình bày:* Về quan hệ hôn nhân anh B thống nhất lời trình bày của chị T, anh B đồng ý với quá trình kết hôn như chị T trình bày.

Đối với nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh B không đồng ý trình bày của chị T cho rằng anh không chăm sóc cho vợ con và gia đình. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh B không đồng ý vì anh B còn thương vợ, thương con anh B yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho gia đình vì hiện nay anh B và 02 con đang chung sống cùng cha mẹ vợ, cha mẹ vợ yêu cầu vợ chồng đoàn tụ.

Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh B thì anh B có ý kiến như sau:

Về con chung có 02 con chung:

+ Cháu Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 11/3/2017.

+ Cháu Nguyễn Huỳnh N2, sinh ngày 11/03/2017.

Khi ly hôn, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 và cháu N2, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, 02 con từ trước đến nay ở với anh B, anh B là người đưa rước hai con đi học và đang sống chung với cha mẹ vợ.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Công B là ông Cai Văn N trình bày:* Ông N thống nhất với anh B về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

\* *Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 107/2025/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp đã xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T xin ly hôn anh B.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 29/12/2025 chị T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được ly hôn anh B.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị T phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xin được ly hôn anh B.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư S bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị T phát biểu:

+ Nền tảng hôn nhân giữa chị T và anh B không còn.

+ Lý do mâu thuẫn là anh B thường xuyên ăn nhậu, không chí thú làm ăn, ghen tuông vô cớ, chửi vợ con, gây nợ nần, ảnh hưởng đến quyền lợi phụ nữ của chị T.

+ Mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2025 đến nay, không thể hàn gắn được.

+ Chị T bị cha mẹ chửi mắng làm ảnh hưởng đến tinh thần.

+ Anh Bằng không cho chị T thăm con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Anh B, ông N phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được hỏi, thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án “Xin ly hôn” là phù hợp.

Xét đơn kháng cáo của chị T trong hạn luật định nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Chị T cho rằng vợ chồng chị T, anh B bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2024. Lý do mâu thuẫn do anh B thường xuyên ăn nhậu, bỏ bê không lo cho vợ con và ghen tuông vô cớ. Ngoài ra còn mâu thuẫn trong việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 09/2025 đến nay. Nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Anh B cho rằng đối với nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh B không đồng ý trình bày của chị T, anh B luôn lo lắng, chăm sóc cho vợ con và gia đình nên anh B không đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh B chưa đến mức trầm trọng, chưa đến mức phải ly hôn, vợ chồng chị T, anh B có khả năng đoàn tụ được, anh B và 02 cháu N1, N2 sống chung nhà với cha mẹ của chị T.

Chị T cũng không có chứng cứ chứng minh anh B có hành vi bạo lực gia đình, không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh B là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị T.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Lời phát biểu của Luật sư ghi nhận để xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Cai Thị Cẩm T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 148, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cai Thị Cẩm T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Công B.

2. Về án phí: Chị Cai Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011659, ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực B - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thông**